

Số: **129/2022/QĐST-HNGĐ**

Thanh Phú, ngày 02 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1958. Địa chỉ: 4 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (về tài sản chung, nợ chung): chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp Mhĩa, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Đại diện theo pháp luật là ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Địa chỉ trụ sở: phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Ông Thắng ủy quyền cho ông Phạm Thanh D - Chức vụ Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thanh Phú tham gia tố tụng.

+ Ông Trần Văn R, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu không tham gia tố tụng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và 115 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Trương Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Về hôn nhân*: bà Trần Thị T và ông Trương Văn T1 thuận tình ly hôn. Bà T và ông T1 không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

- *Về con chung*: 02 con chung tên Trương Văn D, sinh ngày 29/7/1991 và Trương Văn Đ, sinh ngày 29/7/1991 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: bà Trần Thị T có nghĩa vụ giao cho ông Trương Văn T1 ½ giá trị tài sản chung (nhà và đất) là 70.000.000 đồng. Thời hạn giao tiền khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về nợ chung*: bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 40.036.164 đồng (trong đó gồm 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 24/11/2022 là 36.164 đồng). Thời hạn trả khi quyết định có hiệu lực pháp luật (do Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thanh Phú đại diện nhận).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số 6600000720560382 là 8,25%/năm.

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn R không có yêu cầu độc lập và xin không tham gia tố tụng nên không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Ông Trần Văn R có quyền khởi kiện đối với bà Trần Thị T thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Bà Trần Thị T và ông Trương Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tơ